TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – H phúc

Bản án số 23/2019/HS-ST
Ngày 23/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Lộc;
2. Ông Phạm Văn Miền.

Thư ký phiên toà: bà Đoàn Thị Minh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2019/HSST ngày 12 tháng 9 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên bị cáo **Mai Xuân T**, sinh ngày: 11/12/1994, tại thị xã A, tỉnh G; địa chỉ: tổ 3, phường C, thị xã A, tỉnh G; Nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân T (sinh năm 1966) và bà Đinh Thị H (sinh năm 1971) bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2018 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại : anh Trương Công N (sinh năm 1984) và chị Phùng Thị H (sinh năm 1986), cùng địa chỉ : tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G (Anh N ủy quyền cho chị H theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2018, chị H có mặt);

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan :

1) Anh Nguyễn Danh D (sinh năm1974), địa chỉ : 75/85 phố H, phường T, quận X, Tp. Hà Nội (vắng mặt);

2) Anh Nguyễn Thanh T (sinh năm1984), đại chỉ: khối 2, thị trấn K, huyện H, tỉnh Q (vắng mặt);

3) Bà Đinh Thị H (sinh năm 1971), địa chỉ: tổ 3, phường C, thị xã A, tỉnh G (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Xuân T làm phụ xe cho xe khách Công N, loại xe ô tô Ford Tran Sit, biển kiểm soát: 81B-005.34, thuộc sở hữu của gia đình anh Trương Công N và chị Phùng Thị H trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 9/2018. Trong quá trình phụ xe thì T nắm được thời gian hoạt động, thói quen và nơi đậu xe của gia đình anh N nên sau khi nghỉ phụ xe do thiếu nợ và muốn có tiền tiêu xài nên T có ý định trộm cắp chiếc xe này và đã đăng thông tin bán xe trên trang mạng mua bán xe, để lại số điện thoại. Sau đó khoảng 02 ngày thì anh Nguyễn Danh D (địa chỉ 75/85 phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội) có điện thoại hỏi mua xe và hai bên trao đổi thông tin xe, thống nhất giá cả là 120.000.000 đồng. Quá trình trao đổi với D thì T bảo là xe của gia đình, đang cầm cố ở Ngân hàng nên D có thỏa thuận đưa trước 90.000.000 đồng khi giao xe, sau đó 15 ngày sau T giao đủ giấy tờ xe thì giao tiếp 30.000.000 đồng còn lại. Đồng thời, D thỏa thuận với T giao xe ở Quảng Trị do D bận không vào lấy xe được, nhờ T chạy xe ra Quảng Trị rồi có bạn của D ở đó nhận giúp và cho T số điện của người nhận xe.

Khoảng 22 giờ 00 ngày 07/10/2018, T đón xe taxi từ Tp.Pleiku, G đi tới ngã ba Song Le thuộc địa bàn thị trấn Chư Ty, huyện Đ. T đi bộ đến vị trí chiếc xe để trước sân nhà anh Phạm Đức C (thuộc tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G) quan sát xung quanh không thấy ai nên T mở cửa lên xe và điều khiển xe ra đường tuyến 5, thị trấn Chư Ty rồi dừng ở đó tháo hộp đen theo dõi hành trình xe và điều khiển xe theo hướng QL 19B đến đoạn đường tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty thì vứt hộp đen và điều khiển xe tiếp tục hướng Tp.Pleiku để đi ra Quảng Trị giao xe. Đến khoảng 09 giờ 00 ngày 08/10/2018, T điều khiển xe đến Tp.Đông Hà, tỉnh Quảng Trị và liên lạc với Nguyễn Thanh T (sinh năm 1984, địa chỉ hhối 2, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, là người mà D nhờ nhận giúp xe) và gặp anh T để giao xe. Khi tới nơi thì T và T uống cà phê, T gỡ các chữ "Công N" trước và sau xe, T gỡ các mảnh chữ còn sót lại và chụp ảnh xe gửi cho D thì D trả lời là "90", T đưa cho T xem thì T đồng ý. Sau khi giao xe và tiền xong thì T đón xe taxi về Bến xe Miền Nam Huế, khi đang đi trên đường thì T gọi điện cho T nói T tháo biển kiểm soát xe và gắn chữ xe xin số (theo T là để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng). Khi đến đến Bến xe Miền Nam Huế, Trưc mua 01 chiếc điện thoại Iphone 6 với giá 7.620.000 đồng và đón xe về Tp.Pleiku, G. Khi đến Pleiku, T đến mua 01 chiếc điện thoại Iphone 7 (đã qua sử dụng) với giá 7.500.000 đồng rồi T đón xe đi về nhà. Khi về đến nhà thì T có gửi cho bà Đinh Thị H (mẹ của T) 25.000.000 đồng và nói với bà H là tiền đi làm tiết kiệm được. Sau đó, T trả nợ cho một số người. Đến ngày 27/10/2018, T đến Cơ quan Công an huyện Đ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với anh T, sau khi nhận xe ô tô đã nhiều lần liên lạc với D vào nhận xe nhưng do D chưa vào nhận. D đã nhờ T liên lạc tìm người vận chuyển xe ô tô ra Hà Nội cho D. Trong lúc chuẩn bị vận chuyển xe thì Cơ quan điều tra thông báo chiếc xe ô tô này có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật nên T tự nguyện giao nộp.

Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐ ngày 30/10/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tung hình sự huyện Đ, kết luận: Xe ô tô Ford Tran Sit, biển kiểm soát: 81B-005.34, giá trị tại thời điểm mất là 490.750.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh G đã thu giữ và xử lý vật chứng như sau:

-01 (một) ô tô Ford Tran Sit, BKS: 81B-005.34, số khung: RL 3MLTGMCDPR 29252, số máy: D3P07398DURATORQ4D243H; 01 biển kiểm soát hình chữ nhật có kích thước (30x20)cm và 01 biển kiểm soát hình chữ nhật có kích thước (50x10)cm, đều mang biển số: 81B-005.34. Xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Phùng Thị H và anh Trương Công N nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đ trả lại chiếc xe ô tô trên cho chị H, anh N.

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime màu đen (bên trong có gắn thẻ sim 0961129055) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen (bên trong có gắn thẻ sim 0913076000) do anh Nguyễn Thanh T giao nộp. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của T nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho anh T.

- 25.000.000 đồng do Mai Xuân T giao nộp. Xác định đây là số tiền T bán xe ô tô trộm cắp có được, là một phần trong số tiền T đã đưa giao giúp cho D để mua xe ô tô, là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Danh D nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã trả lại số tiền này cho anh D.

Tại Bản Cáo trạng số: 16/CT- VKS ngày 03/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố bị cáo Mai Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng.

Tại phiên tòa, bị hại Phùng Thị H trình bày: tối ngày 07/10/2018, gia đình chị bị Mai Xuân T trộm cắp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Transit, BKS: 81B-005.34 để trước nhà anh Phạm Đức Cường. Gia đình chị đã được nhận lại chiếc xe bị mất vào ngày 16/11/2018, sau khi sửa chữa, xe chính thức sử dụng vào hoạt động vẫn tải hành khách ngày 26/11/2018. Chị yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại các khoản: thu nhập thực tế bị mất 49 ngày x 2.000.000đ/ngày = 98.000.000 đồng; cấp lại phù hiệu 1.000.000 đồng; cắt dán tên hiệu xe 800.000 đồng; thiết bị giám sát hành trình: 3.000.000 đồng; sửa thiết bị 960.000 đồng. Tổng cộng 103.760.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường 40.000.000 đồng, chị yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 63.760.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng. Đề nghị tuyên bố bị cáo Mai Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Mai Xuân T từ 7 đến 8 năm tù.

-Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại tổng cộng 54.760.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 40.000.000 đồng, tiếp tục bồi thường cho bị hại 14.760.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia mà T sử dụng làm phương tiện liên lạc để phạm tội; bảo lưu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple model Iphone 6, màu vàng (gold) của T để bảo đảm thi hành án dân sự; Tịch thu tiêu hủy những mảnh giấy Decal không có giá trị sử dụng.

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính hợp pháp của tài liệu chứng cứ: tại phiên tòa, bị hại Phùng Thị H cho rằng, bị cáo T không tự nguyện đầu thú tại Công an huyện Đ như biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú có trong hồ sơ vụ án (bút lục số 51). Tuy nhiên, chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình là đúng sự thật.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến gì đối với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để nhận định các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên thu thập, do những người tham gia tố tụng cung cấp đều hợp pháp.

[3] Bị cáo thừa nhận có hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có căn cứ để nhận định:

Khoảng 23 giờ 00 ngày 07/10/2018, Mai Xuân T lợi dụng sở hở của gia đình chị Phùng Thị H, đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 81B-005.34 trị giá 490.750.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi do cố ý, khi thực hiện hành vi đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực hành vi. Hành vi của bị cáo T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Như vậy Cáo trạng đã truy tố bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Thấy rằng, quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác đều phải phải được xử lý. Bị cáo có một thời gian phụ xe cho vợ chồng chị H, biết được đặc điểm của chiếc xe, biết được vợ chồng chị H thường sơ hở trong việc quản lý xe. Vì bản thân nợ nần tiền bạc nhưng không có khả năng trả nợ nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp xe của vợ chồng chị H. Khi đã liên hệ được người mua xe thì bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe ôtô Ford Transit, biển kiểm soát 81B-005.34 của vợ chồng chị H. Tài sản bị cáo chiếm đoạt là phương tiện làm ăn, duy trì cuộc sống của vợ chồng chị H. Bị cáo sử dụng tiền phạm tội mà có để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm.

[5] Về T tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo đã trả toàn bộ tiền bán xe mà có cho anh Nguyễn Danh D, đã bồi thường cho bị hại 40.000.000 đồng là các T tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự

nguyện đầu thú là T tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về T tiết tăng nặng: bị cáo không có T tiết tăng nặng.

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các T tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, nguyên nhân phạm tội, điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, thấy rằng, giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp là 490.750.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là tội phạm rất nghiêm trọng, có khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm tù. Do đó, cần phải xử lý nghiêm và phải phạt tù, cách lý bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[6] Đối với những người liên quan là anh Nguyễn Danh D và anh Nguyễn Thanh T: Trong gia đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cho rằng, hành vi của đối tượng Nguyễn Danh D và đối tượng Nguyễn Thanh T phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên đã Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung yêu cầu khởi tố, truy tố Nguyễn Danh Dung, Nguyễn Thanh T về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không chấp nhận và tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo T không nói là xe do bị cáo trộm cắp mà có nhưng D hoàn toàn biết rõ chiếc xe này do bị cáo phạm tội mà có nhưng vì hám rẻ, D đã mua chiếc xe này. Hành vi của D phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", hành vi của T cũng phạm tội này với vai trò giúp sức. Tuy nhiên Cơ quan điều tra không khởi tố và Viện kiểm sát không truy tố nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xét xử D và T về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hội đồng xét xử kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh G, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh G có biện pháp để xử lý hành vi của D và T theo quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại là có căn cứ. Cần buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại tổng cộng 103.760.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường 40.000.000 đồng, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường 63.760.000 đồng.

Vì hành vi của Nguyễn Danh D và Nguyễn Thanh T không bị xử lý. Do đó, 90.000.000 đồng mà D nhờ T trả hộ cho T là tiền hợp pháp của D. Quá trình điều tra đã thu giữ của T 25.000.000 đồng, bà Đinh Thị H (mẹ của T) tự nguyện giao nộp 65.000.000 đồng để trả cho người mua xe. Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho anh D 90.000.000 đồng là có căn cứ.

[8] Xét đề nghị xử lý vật chứng của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Do đó, cần thiết xử lý vật chứng theo như đề nghị của Viện kiểm sát.

[9] Về án phí: Cần buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án hình sự sơ thẩm và 3.188.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Mai Xuân T** phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt bị cáo **Mai Xuân T** 8 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2018.

2. Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Mai Xuân T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại Phùng Thị H và Trương Công T tổng cộng 103.760.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường 40.000.000 đồng, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường 63.760.000 đồng (sáu mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

4. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, loại màn hình trắng đen. Bên trong điện thoại gắn thẻ sim mang số 0342178518. Loại đã qua sử dụng.

Bảo lưu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple model Iphone 6, màu vàng (gold). Bên trong điện thoại không gắn thẻ sim. Loại đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy những mảnh giấy Decal màu xanh, được cắt dạng chữ, không còn nguyên vẹn, có hình dạng, kích thước khác nhau,đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/7/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; các Điều 23, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án:

Buộc bị cáo Mai Xuân T chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.188.000 đồng (ba triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

6. Các vấn đề khác: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của người vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS; CA;
- TAND tỉnh G;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người LQ;
- Sở tư pháp;
- Lưu HSVA;
- Lưu THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lại Hùng Hưng